

MÔN NGỮ VĂN – LỚP 10
MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng g % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Thơ	3	0	4	1	0	2	0	0	60
2	Viết	Viết được một văn bản nghị luận về tác phẩm thơ.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

Thời gian làm bài: 90 phút

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Thơ	Nhận biết: - Nhận biết được thể thơ, từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ. - Nhận biết được phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt. - Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được	3 TN	4 TN 1 TL	2 TL	0

			sử dụng trong bài thơ. Thông hiểu: - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Hiểu được nội dung chính của văn bản. - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Hiểu được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ... Vận dụng: - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân. - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.				
2	Viết	Viết bài văn nghị luận về tác phẩm truyện	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được một văn bản nghị luận phân tích đánh giá về một tác phẩm truyện	1*	1*	1*	1TL
Tổng				3TN	4TN 1TL	2TL	1TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10

Tỉ lệ chung		60	40
-------------	--	----	----

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I

Môn: Ngữ văn - Lớp 10

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản:

VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG TA

Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn
Cánh cò bay lả rập rờn
Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều

Quê hương biết mấy thân yêu
Bao nhiêu đời đã chịu nhiều thương đau
Mặt người vất vả in sâu
Gái trai cũng một áo nâu nhuộm bùn

Đất nghèo nuôi những anh hùng
Chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên
Đạp quân thù xuống đất đen
Súng gươm vứt bỏ lại hiền như xưa

Việt Nam đất nấng chan hoà
Hoa thơm quả ngọt bốn mùa trời xanh
Mắt đen cô gái long lanh
Yêu ai yêu trọn tấm tình thủy chung.

(Trích Bài thơ Hắc Hải, tuyển thơ Nguyễn Đình Thi)

Lựa chọn đáp án đúng

Câu 1: Bài thơ trên được sáng tác theo thể thơ gì?

- A. Thất ngôn bát cú Đường luật
- B. Song thất lục bát
- C. Lục bát
- D. Tự do

Câu 2: Nội dung chính của bài thơ trên là gì?

- A. Tình cảm yêu mến, gắn bó, tự hào của tác giả dành cho con người và quê hương Việt Nam.
- B. Tác giả hồi tưởng về một thời kì “vất vả in sâu” nhưng rất “anh hùng” của dân tộc Việt Nam.
- C. Ngợi ca nền văn hóa ngàn năm của quê hương Việt Nam.
- D. Ngợi ca vẻ đẹp giàu có của thiên nhiên, đất nước Việt Nam.

Câu 3: Bài thơ đã gợi cho em suy nghĩ gì về con người và cảnh sắc quê hương?

- A. Tự hào với sự giàu có của thiên nhiên, với những nét đẹp về văn hóa và tinh thần được hun đúc qua nhiều thế hệ của dân tộc Việt Nam.
- B. Có ý thức tiếp nhận văn hóa của các nước phát triển nhằm mở rộng văn hóa của dân tộc.
- C. Có ý thức giữ gìn và phát huy những giá trị tinh thần tốt đẹp của dân tộc.
- D. Yêu mến, tự hào đối với những con người đang ngày đêm canh giữ, bảo vệ những vùng đất xa xôi của Tổ quốc.

Câu 4: Khi chọn hình ảnh "đỉnh Trường Sơn", tác giả muốn ca ngợi vẻ đẹp gì của thiên nhiên?

- A. Vẻ đẹp dịu dàng, mộc mạc.
- B. Vẻ đẹp hùng vĩ, tráng lệ.
- C. Vẻ đẹp lãng mạn, thơ mộng.
- D. Vẻ đẹp cao sang, lộng lẫy.

Câu 5: Hình ảnh "biển lúa" sử dụng biện pháp tu từ nào?

- A. So sánh.
- B. Ẩn dụ.
- C. Nhân hóa.
- D. Hoán dụ.

Câu 6: Nội dung chính của đoạn thơ sau là gì?

"Đất nghèo nuôi những anh hùng
Chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên
Đạp quân thù xuống đất đen
Súng gươm vứt bỏ lại hiền như xưa."

- A. Bức chân dung của con người Việt Nam chịu thương, chịu khó.
- B. Bức chân dung của con người Việt Nam kiên cường, bất khuất.

- C. Bức chân dung của con người Việt Nam nỗ lực, kiên trì.
- D. Bức chân dung của con người Việt Nam thủy chung, bất khuất.

Câu 7. Hình ảnh "áo nâu" trong câu thơ "Gái trai cũng một áo nâu nhuộm bùn" có ý nghĩa gì?

- A. Chỉ những người thuộc lớp trẻ phải vất vả, chịu thương chịu khó.
- B. Chỉ những người già yếu phải vất vả, chịu thương chịu khó.
- C. Chỉ những người nông dân vất vả, chịu thương chịu khó.
- D. Chỉ những người nông dân nghèo khổ.

Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:

Câu 8: Tình cảm của tác giả đối với quê hương, đất nước được thể hiện như thế nào trong văn bản?

Câu 9: Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu sau và nêu tác dụng:

Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn

Câu 10: Từ nội dung gợi ra qua bài thơ “Việt Nam quê hương ta”, em thấy mình phải

làm gì để góp phần xây dựng và bảo vệ quê hương Việt Nam mãi giàu đẹp? (Trả lời câu hỏi bằng một chuỗi câu từ 3-5 câu)

II. VIẾT (4.0 điểm) Phân tích đánh giá sức hấp dẫn của truyện kể sau:

QUÊ MẸ

(Thanh Tịnh)

Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều

(Ca dao)

Cô Thảo ra lấy chồng đã ba năm. Anh Vận chồng cô hiện làm hương thư ở làng Mỹ Lý. Anh Vận trước kia có theo học chữ Quốc ngữ, nhưng đã hai năm thi yếu lược không đậu nên anh ta lại thôi. Qua năm sau dân trong xóm bầu anh ta lên làm hương thư trong làng. Ngày nào anh ta cũng đi nhà này qua nhà khác phát thư, rồi chiều đến lại phải ra tận đình để lấy hòm thư đem lên huyện.

Công việc của anh tuy vất vả, nhưng lương tháng - hay nói cho đúng, lương năm - của anh trông ít quá. Làng chỉ trích cho anh ta ba mẫu ruộng và năm đồng bạc làm tiền lộ phí. Nhưng năm đồng ấy thì không bao giờ anh nhận được. Vì các viên chức đã khéo léo trừ với món tiền phải đóng sưu này thuế khác gần hết.

Nhưng ở vùng quê, được một chức nghiệp như thế, anh Vận cũng cho là danh giá lắm. Và bà Lại, mẹ anh Vận, lúc nói chuyện

với những người quen, cũng không quên tự hào được một người con ra đảm đương việc làng việc nước.

Cô Thảo ra lấy chồng vốn liếng không có nên không đi buôn bán gì hết. Cả nhà chỉ trông vào một mẫu ruộng tranh và ba mẫu ruộng làng để sống năm này tháng khác.

(Gần đến ngày giỗ ông, cô Thảo muốn xin chồng về làng, lại không muốn nói thẳng.

Nhưng mãi đến chiều cũng không nghe chồng nói gì, nên cô phải mượn cây thanh trà để nhắc xa xôi cho chồng nhớ. Anh Vận xin mẹ cho vợ về làng ăn giỗ. Mẹ chồng bảo cô mang buồng chuối mật trong vườn về giỗ ông, lại cho cô một hào để đi đồ. Anh Vận cũng chạy quanh xóm mượn chỗ này, chỗ khác cho cô Thảo thêm bốn hào nữa)

Tối hôm ấy cô Thảo không đi ngủ sớm. Cô đặt con ngủ yên bên chồng xong lại lật đặt xách dao ra sau vườn chuối. Loay hoay một lúc lâu cô mới đem được buồng chuối mật vào nhà. Cô đem để vào một góc thật kín vì cô sợ nửa đêm chuột đến khới. Xong rồi cô mới qua bên nhà cô Thị mượn đôi hoa tai vàng và cái nón lá mới. Sắp đặt đâu đó xong xuôi cô mới lên giường nằm ngủ.

Trời tờ mờ sáng cô Thảo đã trở dậy sớm sửa đi về làng. Làng cô ở cách xa làng Mỹ Lý hơn mười lăm cây số. Vì vậy nên mỗi năm cô chỉ được về làng chừng hai ba lượt là nhiều. Xưa kia cô từng qua lại làng Mỹ Lý ngày một để bán gạo, nhưng sau lúc cô ra lấy chồng thì quê nhà đối với cô đã là nơi xa lạ.

Qua những con đường mòn chạy nấp theo bờ ruộng, cô lại nhớ đến quãng đời bán gạo của cô ngày trước. Trong trí cô hiện ra lần lần hình ảnh của cô Thu, cô Nguyệt, cô Hương, những cô bạn mà trước kia cô cho là thân nhất.

Nhưng đời các cô ấy cũng như cô, nghĩa là cũng có chồng, có con và quãng đời làm dâu cũng vất vả, cũng phẳng lặng như nhau hết.

Đi chưa được bốn cây số cô Thảo đã thấy mỏi. Cô tự nhận thấy sức cô yếu hơn trước nhiều lắm. Cô muốn đi đồ cho đỡ chân, nhưng sức nhớ đến những món quà cần phải cho em, cô lại gắng gượng đi nhanh hơn trước.

[...]

Về đến làng cô Thảo gặp ai cũng đón chào niềm nở. Lòng cô lúc ấy nhẹ nhàng và vui sướng lắm. Còn họ gặp cô đi đàng xa đã kêu réo om sòm như gặp được người sống lại. Họ hỏi thăm cô chuyện này chuyện khác, mục đích là để xem cô ăn mặc độ này có

khá hơn trước không. Cô Thảo thấy người làng chào hỏi mình vồn vã nên đáp lại rất vui vẻ. Cô ta không quên lấy cái nón xuống, giả vờ quạt vào mình để mấy người đứng chung quanh được thấy đôi hoa tai vàng của cô.

Đến trưa hôm ấy thì cô về đến nhà. Mấy cậu em đua nhau ra nín chào chị. Cô Thảo xoa đầu đứa này đỡ cằm đứa khác, nụ cười trên môi cô không khi nào tắt. Trông thấy mẹ trong nhà đi ra cô mừng quá. Cô chạy lại đứng bên mẹ cảm động quá đến rưng rưng nước mắt. Một lúc sau cô đưa thằng Lụn cho mẹ ẵm rồi đi thẳng vào nhà để chào những người quen biết.

Bà Vạn cứ quẩn quít bên cháu, bên con quên cả ngày giờ. Bà giới thiệu cô Thảo với người này người khác, bà nhắc đến chuyện cô Thảo lúc cô còn năm sáu tuổi. Bà kể đến đoạn nào bà cũng có ý khoe cô Thảo đức hạnh và khôn ngoan đủ thứ. Bà nói mãi mà không biết chung quanh bà không ai nghe bà hết.

Sung sướng nhất là cô con gái có chồng về nhà mẹ. Cô Thảo tuy về giỗ ông nhưng không làm gì hết. Cô vào phòng mẹ nằm ngủ cả buổi chiều, mãi đến lúc gần cúng cô mới chịu đi ra ngoài.

Lúc cô đứng lễ thì ông Vạn, thân sinh cô, vuốt râu cười nói:

- Con phải lễ thể phần chồng con nữa. Nó làm gì bên ấy mà không đến

Cô Thảo sau khi thụt lùi ra khỏi chiếu, mới khẽ đáp:

- Dạ, nhà con mắc việc quan.

Cô Khuê, chị em chú bác với cô Thảo, đứng gần đấy trề môi nói tiếp:

- Thứ đồ làm hương thờ mỗi năm ăn ba mẫu ruộng mà cũng gọi là việc quan.

- Ai nấy đều nghe thấy nhưng không ai cãi lại. Ông Vạn đứng cúi đầu xuống hơi ngượng. Còn cô Thảo gương mặt đỏ bừng, quay đầu nhìn xuống bếp. Nhưng ngay lúc ấy cô lại gặp cặp mắt của mẹ đang nhìn cô chòng chọc. Cô đau lòng quá đến để hai dòng lệ chảy dài trên má.

- Sáng hôm sau, cúng cơm sáng xong xuôi, cô Thảo lại sắm sửa đi qua làng Mỹ Lý. Cô gọi mấy đứa em đến gần rồi cho mỗi đứa năm xu. Trong nhà ai cũng khen cô rộng rãi và biết thương em, nên cô vui sướng lắm. Đang lúc cao hứng cô còn hứa sẽ gửi cho mẹ hai cặp quần áo mới để mặc Tết nữa. Nhưng chính cô cũng không biết sẽ lấy đâu ra hai cặp quần áo ấy. Chỉ trong nháy mắt cô Thảo đã phân phát tất cả số tiền cô đã dành dụm trong một năm.

- [...]

- Về nhà chồng, cô Thảo lại làm việc từ mai đến chiều, tối tắm cả mày mặt. Lúc nào cô cũng nhớ đến mẹ nghèo, đến em thơ, nhưng nhớ thì lòng cô lại buồn ngủi, trí cô lại bận rộn. Rồi chiều chiều gặp những lúc nhàn rỗi, cô lại ra đứng cửa sau vợ vẫn nhìn về làng Quận Lão. Nhưng làng Quận Lão ẩn sau đám tre xanh đã kéo một gạch đen dài trên ven đồi xa thẳm.

- (Theo *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 33, NXB Khoa học xã hội, 2000.
- Tr.819-823)

- ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
- Môn: Ngữ văn lớp 10

-

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	A	0,5
	4	B	0,5
	5	B	0,5
	6	B	0,5
	7	C	0,5
	8	Tình cảm yêu mến, quý trọng với quê hương, đất nước, dân tộc và con người Việt Nam. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm. - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm. * Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.	0.5
	9	+ Nhân hóa: ơ + Ẩn dụ: Biển lúa + So sánh: Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn <i>Tác dụng: Bức tranh thiên nhiên tươi đẹp, yên bình, mênh mông, khoáng đạt. Nền cảnh đặc trưng của Việt Nam.</i> Hướng dẫn chấm: - Học sinh chỉ ra được 3 biện pháp tu từ và nêu được tác dụng: 1.0 điểm. - Học sinh chỉ ra được 3 biện pháp tu từ: 0,5 điểm. - Học sinh chỉ ra được 2 biện pháp tu từ: 0,25 điểm. - Học sinh nêu được tác dụng: 0.5 điểm.	1.0

	10	Câu hỏi mở, Gv linh hoạt chấm điểm.	1.0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: phân tích đánh giá những vẻ đẹp của truyện.</i> Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm. - Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới: - Nhan đề và lời đề từ của truyện có thể gợi ra những suy nghĩ như: Quê là nơi gia đình, dòng họ đã nhiều đời làm ăn sinh sống, nơi gắn bó thân thương với mỗi người. Nói đến quê mẹ là nói đến nơi ta sinh ra, lớn lên, gắn bó suốt tuổi thơ, khi đi xa thì quê mẹ là nơi chốn yêu thương để ta nhớ, lúc buồn khổ ta hướng về để được chia sẻ. - Lời đề từ của truyện là ca dao về nỗi niềm và tâm trạng của người con gái lấy chồng xa. - Nhân vật cô Thảo trong truyện nhắc Quê mẹ được khắc họa qua những chi tiết cụ thể gắn với tâm trạng, hành động, cử chỉ : đêm trước khi về dỡ ông, trên đường về quê, khi về đến làng, khi về đến nhà mẹ, khi trở lại nhà chồng. → Nhân vật cô Thảo là mẫu phụ nữ tiêu biểu cho gia đình, cô là người “ít hay chữ” nhưng nặng lòng với quê hương, gia đình. Cô con dâu chăm chỉ luôn biết giữ gìn nề nếp gia phong; “cô gái có chồng về nhà mẹ” luôn nở nụ cười với hàng xóm, với những đứa em thơ cô sẵn sàng phân phát cho các em “ cả số tiền cô đã dành dụm trong một năm”... Hình ảnh cô Thảo đã nói lên nỗi lòng của người con gái lấy chồng xa quê, nói lên mong ước của Thanh Tịnh về cuộc sống bình dị, chân thành, ca ngợi những con người quê hương luôn giàu tình người, tình quê. * Qua câu chuyện, có thể rút ra những thông điệp: tình yêu quê hương, gia đình và nỗi nhớ quê trong lòng người con gái. * Nhận xét về cách ứng xử của các nhân vật trong truyện nhắc Quê mẹ: - Anh Vân hơi vô tâm nhưng yêu thương vợ.	3.0

	- Mẹ chồng cô Thảo ân cần, quan tâm đến con dâu. - Cô Thảo luôn lễ phép, khéo léo trong các mối quan hệ, thân thiện với bà con lối xóm. → Đó là những ứng xử đẹp và rất đời thường, vừa truyền thống vừa hiện đại. Hướng dẫn chấm: - <i>Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 3,0 điểm.</i> - <i>Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,25 điểm – 2,75 điểm.</i> - <i>Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 1 điểm.</i>	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
	e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
I + II		10

-

-

-